

Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ ở nước ta: Nhìn từ kết quả khảo sát thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam

TS. Phan Trung Kiên

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: kienpt@neu.edu.vn

Kiểm toán nội bộ (KTNB) được tổ chức ở nhiều ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. KTNB đã đóng góp tích cực vào hoạt động quản lý cũng như vào hoạt động kiểm soát trong những đơn vị này. Tuy nhiên, hoạt động KTNB tại những NHTM nước ta đã phát sinh nhiều vấn đề khác nhau trong tổ chức bộ máy và thực hiện chức năng KTNB cần được hoàn thiện. Mặc dù, bộ máy KTNB được tổ chức trong NHTM đa dạng nhưng lại “cứng nhắc” hoặc đi “chệch hướng” trong quan hệ với tổ chức bộ máy quản lý khuôn mẫu của những đơn vị này. KTNB thực hiện nội dung kiểm toán không thống nhất, quá tập trung vào hoạt động kiểm soát mà bỏ qua những lĩnh vực kiểm toán khác, thiếu cơ sở cho thực hành kiểm toán, tác nghiệp kiểm toán còn hạn chế, hạn chế trong kiểm soát chất lượng kiểm toán... Để giải quyết những vấn đề đặt ra, chúng ta cần đánh giá một cách khách quan về thực hiện chức năng KTNB trong những đơn vị này. Trên cơ sở những phát hiện, nguyên nhân của tình trạng hiện tại, chúng ta mới có thể đưa ra những giải pháp cải thiện. Do đó, bài viết tập trung vào tìm cách đánh giá và trả lời cho câu hỏi “Thực trạng thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam như thế nào?”.

Từ khóa: kiểm toán nội bộ, chức năng kiểm toán nội bộ, ngân hàng thương mại Việt Nam.

1. Khái quát mô hình đo lường việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ

Trong thực hành kiểm toán, việc đánh giá quá trình thực chức năng KTNB luôn nhận được quan tâm đặc biệt từ phía nhà quản lý. Trên thực tế, có nhiều phương pháp đo lường, đánh giá hoạt động kiểm toán nội bộ cũng như xem xét thực hiện chức năng KTNB trong một tổ chức hoặc một đơn vị. Một trong số hệ thống đo lường phổ biến đối với việc thực hiện chức năng KTNB trong một tổ chức, một đơn vị là sử dụng cách tiếp cận đánh giá theo Bảng điểm cân bằng (Ziegenfuss, 2000). Phương pháp này tập trung vào xem xét sự liên kết mục tiêu

của bộ phận KTNB với hoạt động của một tổ chức, một đơn vị có qui mô lớn. Phương pháp đo lường hoạt động KTNB trên cơ sở vận dụng Bảng điểm cân bằng được các cổ đông tin tưởng lựa chọn để xem xét quá trình kiểm toán. Tuy nhiên, một phương pháp khác thay thế được sử dụng trong đánh giá thực hiện chức năng KTNB là Đánh giá theo Đầu vào – Thực hiện – Đầu ra (Rupsys, 2007). Trong hệ thống này, Đầu vào được xem là những yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng tới chất lượng KTNB, xuất phát từ KTV nội bộ và tổ chức, chẳng hạn kinh nghiệm của nhân viên kiểm toán, ngân sách cho kiểm toán và những yếu tố khác. Thực hiện bao gồm những hoạt động kiểm toán cụ thể, trong đó xem xét

cả thực thể được kiểm toán. *Đầu ra* trong hệ thống đánh giá của Rypsys được xác định là những sản phẩm cuối cùng của quá trình kiểm toán, bao gồm cả kiểm toán (đảm bảo), (*dịch vụ*) tư vấn và những đề xuất đối với nhà quản trị. Bên cạnh đó, hệ thống đánh giá thực hiện chức năng KTNB này cũng đo lường, đánh giá môi trường kiểm toán. Khi thực hiện đánh giá Môi trường, những tiêu chí như quan hệ giữa bộ phận kiểm toán nội bộ với ban quản trị cũng được xem xét. Như vậy, phương pháp đánh giá theo mô hình *Đầu vào – Thực hiện – Đầu ra* tập trung vào đo lường những hoạt động được lựa chọn (mỗi nhóm sẽ có tiêu chí đo lường khác nhau) nhằm tìm hiểu, đánh giá đầy đủ qui trình kiểm toán nội bộ từ đầu vào tới đầu ra. Hệ thống đánh giá sử dụng trong nghiên cứu này là một dạng sửa đổi từ mô hình đo lường nêu trên. Trong đó, phương pháp được áp dụng trong nghiên cứu của Tác giả tập trung nhiều hơn vào kết quả cuối cùng của việc thực hiện chức năng KTNB trong đơn vị. Theo đó, việc đánh giá thực hiện chức năng KTNB sẽ thực hiện theo 5 nhóm tiêu chí là: Môi trường, Đầu ra, Chất lượng, Hiệu quả và Tác động của KTNB. Chi tiết về nội dung theo mỗi nhóm tiêu chí cùng với cách thức vận dụng để đánh giá được trình bày dưới đây.

1.1. Môi trường

Môi trường bao gồm những nhân tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng gián tiếp tới chức năng KTNB. Những yếu tố thuộc về *Môi trường* được xem là đầu vào của mỗi qui trình kiểm toán nói chung và KTNB nói riêng. Mặc dù, những yếu tố thuộc về nhóm này không được xem là thiết yếu nhưng chúng vẫn có ảnh hưởng lớn tới sự thành công hay thất bại trong thực hiện kiểm toán. Các nhân tố cụ thể thuộc Môi trường có thể phân chia thành 2 nhóm nhỏ hơn là: nhóm các yếu tố bên trong và nhóm các yếu tố bên ngoài. Môi trường bên trong thường chịu sự ảnh hưởng bởi quan điểm, thái độ, phong cách lãnh đạo của nhà quản lý cấp cao tại đơn vị. Môi trường bên trong thường tạo ra những ảnh hưởng gần hơn, tác động mạnh hơn đối với việc thực hiện chức năng KTNB trong đơn vị. Môi trường bên ngoài liên quan tới các nhân tố khác nhau từ bên ngoài tổ chức. Tuy nhiên, Môi trường bên ngoài cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hoạt động của KTNB. Thuộc môi trường bên ngoài có thể kể tới những qui định của Nhà nước, của ngành, của khách

hàng,... Để đo lường theo tiêu chí Môi trường, những chỉ tiêu có thể sử dụng được như: số lượng các yêu cầu từ ban kiểm soát, số lượng các cuộc họp với nhà quản trị, kết quả khảo sát về sự thỏa mãn của nhà quản trị với kết quả công việc KTNB,...

Đánh giá theo nhóm tiêu chí Môi trường có thể cho thấy “*mức độ tốt*” của mối quan hệ giữa bộ phận KTNB tại đơn vị với Hội đồng quản trị. Mối quan hệ này là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả của mỗi cuộc KTNB. Thông qua việc tìm hiểu những tài liệu quy định về chức năng và nhiệm vụ của bộ phận KTNB còn giúp đánh giá mức độ độc lập trong công việc của bộ phận KTNB trong đơn vị.

1.2. Kết quả đầu ra

Đầu ra bao gồm kết quả cuối cùng hoặc dịch vụ của chức năng KTNB, bao gồm kiểm toán (đảm bảo) và (*dịch vụ*) tư vấn. Tùy thuộc vào lĩnh vực hoạt động, qui mô và đặc thù của mỗi đơn vị, kết quả đầu ra của KTNB có thể có những khác biệt. Những chỉ tiêu liên quan tới việc đo lường thực hiện chức năng KTNB gắn với kết quả đầu ra của hoạt động này có thể sử dụng như: tỷ lệ hoàn thành kế hoạch kiểm toán, số lượng cuộc kiểm toán hoàn thành, số lượng đề xuất, thời gian dự kiến so với thực tế,...

1.3. Đo lường chất lượng

Nhóm nhân tố này thường tập trung vào xem xét chất lượng của các kết quả cuối cùng của chức năng KTNB. Vì thế, Chất lượng được xem là sự xem xét mở rộng của Nhóm tiêu chí thứ hai. Đo lường thông qua tiêu chí Chất lượng cũng bao gồm cả đo lường chất lượng của nhân viên kiểm toán. Đo lường theo Chất lượng có thể sử dụng những chỉ tiêu như: có thực hiện đối chiếu chéo hay không, sự thỏa mãn của khách thể kiểm toán, số lượng kiểm toán viên chuyên nghiệp, tỷ lệ nhân viên thỏa mãn các yêu cầu nghề nghiệp,...

1.4. Hiệu quả

Nhóm này đo lường kết quả đầu ra và chất lượng của quá trình thực hiện KTNB trong quan hệ với chi phí thực hiện. Mục tiêu của nhóm tiêu chí đo lường Hiệu quả là xác định xem KTNB đang sử dụng hiệu quả thời gian và nguồn lực như thế nào. Những đo lường cụ thể liên quan tới hiệu quả của việc thực hiện chức năng KTNB có thể dựa vào những chỉ

tiêu cụ thể như: chi phí cho mỗi giờ kiểm toán, chi phí cho mỗi triệu đồng được kiểm toán, tỷ lệ phần trăm thời gian cho quản lý KTNB, thời gian chuẩn bị báo cáo,...

1.5. Đo lường sự tác động và ảnh hưởng

Nhóm tiêu chí đo lường thông qua sự tác động và ảnh hưởng của thực hiện chức năng KTNB thông qua xem xét tác động đa dạng của các chức năng KTNB tới hiệu năng quản lý trong tổ chức, đơn vị. Đo lường qua đánh giá sự tác động của KTNB có thể thực hiện thông qua những chỉ tiêu cụ thể như: tỷ lệ ngân sách được kiểm toán, tỷ lệ rủi ro đã xác định được, tỷ lệ khu vực có rủi ro cao được xác định, ... kể cả những chỉ tiêu khác như qui mô số tiền thu hồi được hoặc tiết kiệm được từ cuộc kiểm toán.

2. Kết quả nghiên cứu thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam

Vận dụng mô hình đánh giá theo *Đầu vào – Thực hiện – Đầu ra* có điều chỉnh, Nghiên cứu tập trung nhiều hơn vào kết quả cuối cùng của quá trình thực hiện các chức năng KTNB. Theo đó, việc đánh giá thực hiện chức năng KTNB sẽ thực hiện theo 5 nhóm tiêu chí: Môi trường, Đầu ra, Chất lượng, Hiệu quả và Tác động của KTNB. Kết quả nghiên cứu được rút ra từ những khảo sát được Tác giả tổng hợp theo 5 vấn đề trên.

2.1. Đo lường hoạt động thông qua môi trường của KTNB tại các NHTM

Có 7 chỉ tiêu gắn với việc đo lường môi trường KTNB đã được khảo sát tại 22 NHTM Việt Nam có tổ chức bộ phận KTNB thực hiện các cuộc KTNB – Bảng 1. Mỗi NHTM thực hiện phỏng vấn đối với

nhà quản trị cấp cao (Giám đốc hoặc phó giám đốc tài chính hoặc Phó Tổng giám đốc hoặc thành viên hội đồng quản trị) theo những nội dung có liên quan và thực hiện chia trung bình cho số lượng kết quả nhận được (từ 15 tới 22 tùy thuộc vào nội dung).

Kết quả khảo sát về sự thỏa mãn của nhà quản trị đối với KTNB 16/22. 5. Chu kỳ thời gian cho một cuộc kiểm toán trung bình (ngày) 10,2. 6. Thời gian dự kiến so với thực tế 0,8. 7. Tỷ lệ kiểm tra chéo 6. Kết quả khảo sát cho thấy sự thỏa mãn của nhà quản trị đối với KTNB tại các NHTM Việt Nam là tương đối cao. Tỷ lệ này cũng phù hợp với những khảo sát tương tự từ phía kiểm toán viên trong NHTM có tổ chức KTNB. Các ý kiến phản hồi về số lượng các yêu cầu từ ban kiểm soát – Hội đồng quản trị và số lượng các cuộc họp trong phạm vi đơn vị về tổ chức KTNB và với nhà quản trị cấp cao là thấp. Sử dụng kết quả khảo sát về sự thỏa mãn của nhà quản trị đối với KTNB thay vì sử dụng những thông tin khác có thể chấp nhận được. Chỉ tiêu này được xem xét mang tính chủ đạo bởi nó chỉ rõ mối quan hệ tốt giữa bộ phận KTNB tại NHTM Việt Nam với Hội đồng quản trị tại đơn vị. Đây là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả của cuộc kiểm toán. Tìm hiểu các tài liệu quy định về chức năng và nhiệm vụ của bộ phận KTNB cũng cho thấy, bộ phận KTNB hoàn toàn độc lập trong công việc cho dù mô hình và cơ cấu tổ chức của bộ phận này tại mỗi đơn vị có phần khác biệt [1].

Tuy nhiên, kết quả khảo sát các yếu tố khác (về thời gian thực hiện cuộc KTNB, dự kiến thời gian so với thực tế thực hiện kiểm toán, tỷ lệ kiểm tra chéo và số lượng các đề xuất) cung cấp một cơ sở bổ sung cho việc đánh giá hoạt động KTNB tại NHTM theo

Bảng 1: Kết quả khảo sát đánh giá Môi trường KTNB [1]

TT	Tiêu chí đo lường sử dụng	Trả lời
1.	Số lượng các yêu cầu từ ban kiểm soát – Hội đồng quản trị	5
2.	Số lượng các cuộc họp trong phạm vi NHTM	4
3.	Số lượng các cuộc họp với nhà quản trị cấp cao	2
4.	Kết quả khảo sát về sự thỏa mãn của nhà quản trị đối với KTNB	16/22
5.	Chu kỳ thời gian cho một cuộc kiểm toán trung bình (ngày)	10,2
6.	Thời gian dự kiến so với thực tế	0,8
7.	Tỷ lệ kiểm tra chéo	6

Bảng 2: Kết quả khảo sát đánh giá kết quả KTNB trong NHTM[1]

TT	Tiêu chí đo lường sử dụng	Trả lời
1.	Tỷ lệ hoàn thành kết hoạch kiểm toán (%)	67
2.	Số lượng cuộc kiểm toán hoàn thành (lần)	12.4
3.	Số lượng các đề xuất đưa ra sau kiểm toán mỗi cuộc kiểm toán (ý kiến)	4,2
4.	Số lượng ý kiến đề xuất được thực hiện (ý kiến)	2.5
5.	Thời gian dự kiến so với thực tế (lần)	0,76
6.	Số lượng phát hiện không được giải quyết trung bình mỗi cuộc kiểm toán (phát hiện)	0,8
7.	Số lượng phát hiện tiết kiệm chi phí (trực tiếp) hoặc ngăn chặn gian lận trung bình (lần)	0,4

tiêu chí Môi trường. Kết quả thu được theo tiêu chí này cho thấy một số điểm cần làm rõ trong quan hệ với sự khẳng định trong kết quả khảo sát theo tiêu chí phía trên (tiêu chí này cho thấy nhà quản trị hài lòng về kết quả kiểm toán).

2.2. Đo lường kết quả thực hiện kiểm toán nội bộ tại các NHTM Việt Nam

Tổng cộng có khoảng 48 lượt phỏng vấn về 5 chỉ tiêu (chính – từ 1 tới 5) và 2 chỉ tiêu khác (chỉ tiêu 6 và 7), phục vụ cho đánh giá kết quả của cuộc KTNB tại các NHTM Việt Nam. Kết quả phỏng vấn được chia trung bình cho số lượng câu trả lời (số ý kiến trả lời chi tiết từ 18 tới 45). Kết quả được tổng kết trong Bảng 2.

Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng cuộc kiểm toán hoàn thành trung bình khá cao nhưng tỷ lệ hoàn thành kế hoạch kiểm toán lại ở mức thấp. Trong khi số lượng đề xuất kiểm toán đưa ra khá khiêm tốn thì tỷ lệ số lượng ý kiến được đề xuất cũng không cao. Ngoài ra, ý kiến khác về những phát hiện kiểm toán nhưng KTV chưa giải quyết được hoặc không giải quyết được tận gốc (kể cả trường hợp lãng tránh) lại thể hiện ở mức khá cao trong số những ý kiến được phản hồi về kết quả kiểm toán. Điều này cho thấy những dấu hiệu về khả năng tồn tại những cuộc kiểm toán không thành công, đồng thời cũng cho thấy khả năng nhiều ý kiến của KTV có thể không được thực hiện.

Xem xét giấy làm việc, báo cáo kiểm toán cùng với những đề xuất kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán tại NHTM Việt Nam có tổ chức bộ phận KTNB

cho thấy: Thời gian thực hiện rà soát các thủ tục tại khách thể kiểm toán chiếm tới 70%, thời gian thực hiện các yếu tố mang tính hành chính chiếm tới khoảng 20% nên thời gian còn lại để thực hiện các nội dung khác rất hạn chế (10%). Hơn nữa, tại một số NHTM, KTNB không những thực hiện rà soát các thủ tục, bản thân các KTV cũng thực hiện những thủ tục kiểm soát mẫu tại khách thể kiểm toán, thực hiện giám sát các thủ tục,... Điều này cho thấy: Một là, Bộ phận KTNB đã “bỏ quên” một phần nội dung quan trọng trong thực hiện kiểm toán – đánh giá các hoạt động và đề xuất giải pháp; Hai là, KTNB thực hiện chức năng một cách không rõ ràng trong quan hệ với chức năng của Ban kiểm soát nói riêng và của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị nói chung.

2.3. Đo lường chất lượng kiểm toán nội bộ trong các NHTM Việt Nam

Kết quả khảo sát bằng cách phỏng vấn trực tiếp đối với KTV nội bộ, Trưởng bộ phận KTNB, Phó trưởng Ban kiểm soát phụ trách KTNB và một số KTV nội bộ theo 10 chỉ tiêu được liệt kê ở Bảng 3 dưới đây. Kết quả khảo sát thu được từ tổng cộng 32 ý kiến trả lời liên quan tới 22 NHTM. Kết quả khảo sát chi tiết sau đó được tính trung bình cho mỗi NHTM sau đó tính trung bình cho mẫu khảo sát theo mỗi chỉ tiêu (chia cho 22) được trình bày trong Bảng 3.

Thông tin trên cho thấy, trong khi thực hiện KTNB những thủ tục kiểm tra chéo nhằm loại bỏ những khả năng sai sót trong quá trình kiểm tra hạn chế. Điều này cảnh báo những nguy cơ về khả năng

Bảng 3: Kết quả khảo sát đánh giá chất lượng KTNB trong NHTM[1]

TT	Tiêu chí đo lường sử dụng	Trả lời
1.	Có thực hiện đối chiếu chéo	6/22
2.	Sự thỏa mãn của khách thể kiểm toán – Chi nhánh, Hội sở của NHTM, về kết quả KTNB	17/22
3.	Số lượng kiểm toán viên chuyên nghiệp mỗi bộ phận KTNB	0,56
4.	Tỷ lệ (%) nhân viên thỏa mãn các yêu cầu hành nghề	4,5%
5.	Số lượng các tổ chức nghề nghiệp tham dự	2
6.	Thời gian (h) để đào tạo mỗi năm	10
7.	Tỷ lệ doanh thu theo nhân viên	n/a
8.	Số lượng ý kiến không dựa trên kiểm toán trung bình	1,4
9.	Tỷ lệ % thời gian dành cho kiểm toán	67%
10.	Đạt được các mục tiêu dài hạn	6

sai phạm có thể không phát hiện được hoặc bị bỏ qua. Tuy nhiên, sự thỏa mãn của khách thể kiểm toán về kết quả kiểm toán lại tương đối lớn (Bảng 1). Chỉ tiêu này phần nào cho thấy khả năng đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi khách quan của quản lý tại những chi nhánh. Tuy nhiên, số lượng KTV, chất lượng nhân viên kiểm toán, sự trau dồi và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ không thực sự thuyết phục. Điều này phần nào phản ánh trong kết quả khảo sát theo chỉ tiêu khác – cho thấy KTV dựa vào kinh nghiệm làm việc trước đây, khả năng đạt được những mục tiêu ngắn hạn tốt hơn dài hạn.

2.4. Đo lường hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ

Cách đo lường hiệu quả hoạt động cũng được thực hiện từ kết quả khảo sát trên cơ sở những thông

tin có được liên quan tới chi phí cho kiểm toán, thời gian thực hiện kiểm toán, thời gian thực hiện các hoạt động báo cáo, thời gian phát triển và thực hiện kế hoạch kiểm toán,... Khảo sát trong nghiên cứu được thực hiện theo 8 chỉ tiêu chi tiết được trình bày trong Bảng 4. Kết quả khảo sát chi tiết sau đó được so sánh với kế hoạch, sau đó tính trung bình cho tổng số lượng kết quả khảo sát. Kết quả khảo sát được xử lý và tổng hợp theo 8 chỉ tiêu có liên quan trong nhóm tiêu chí về hiệu quả hoạt động KTNB được trình bày trong Bảng 4.

Kết quả khảo sát cho thấy, việc đánh giá dựa vào chi phí để từ đó đo lường hiệu quả KTNB gặp nhiều khó khăn. Trên thực tế, việc tính toán chi phí gặp nhiều khó khăn. Những chỉ tiêu còn lại cho thấy, công việc KTNB thực tế diễn ra luôn kéo dài hơn so với dự tính. Điều này sẽ làm cho chi phí của cuộc

Bảng 4: Kết quả khảo sát đánh giá KTNB qua hiệu quả hoạt động trong NHTM Việt Nam[1]

TT	Tiêu chí đo lường sử dụng	Trả lời
1.	Chi phí cho mỗi giờ kiểm toán	n/a
2.	Chi phí cho mỗi triệu đồng được kiểm toán	n/a
3.	Thời gian thực hiện kiểm toán so với thời gian dự kiến	1,24 lần
4.	Tỷ lệ phần trăm thời gian cho quản lý hành chính KTNB	20,7%
5.	Thời gian cho việc chuẩn bị một bản báo cáo “nháp”	2,3 ngày
6.	Số lượng những phát hiện được nhắc lại	1,7
7.	Chu kỳ thời gian cho phát triển chương trình kiểm toán hàng năm	n/a
8.	Tỷ lệ (%) những đề xuất được thực hiện	52,2%

Bảng 5: Kết quả khảo sát đánh thực hiện KTNB trong NHTM qua đo lường sự tác động của KTNB[1]

TT	Tiêu chí đo lường sử dụng	Trả lời
1.	Tỷ lệ ngân sách được kiểm toán	75%
2.	Tỷ lệ (%) rủi ro xác định được kiểm toán	85%
3.	Tỷ lệ (%) khu vực rủi ro cao được xác định	45%
4.	Số tiền thu hồi hoặc tiết kiệm được mỗi cuộc kiểm toán	n/a

kiểm toán tăng, đồng thời ảnh hưởng tới những cuộc kiểm toán khác. Bên cạnh đó, thông tin về thời gian quản lý hành chính, thời gian chuẩn bị báo cáo nháp dài cũng là nhân tố sẽ làm tăng chi phí của cuộc KTNB tại các NHTM. Ngoài ra, số lượng đề xuất kiểm toán bị nhắc lại trong lần kiểm toán sau và tỷ lệ ý kiến đề xuất của KTV không được thực hiện phần nào làm giảm hiệu quả của cuộc kiểm toán hoặc làm cuộc kiểm toán không hiệu quả nếu xem xét hiệu quả trên cơ sở chi phí cho KTNB với kết quả của cuộc kiểm toán.

2.5. Đánh giá sự tác động của kiểm toán nội bộ

Đánh giá tiếp theo đối với hoạt động KTNB thông qua đo lường tác động của KTNB. Đo lường việc thực hiện chức năng KTNB theo nhóm tiêu chí Tác động của KTNB gặp nhiều khó khăn nhưng kết quả khảo sát có thể chứng minh được sự “*hữu ích*” của KTNB đối với mục tiêu quản lý trong các NHTM. Tiêu chí Tác động của KTNB được khảo sát chi tiết theo 4 chỉ tiêu dưới đây. Kết quả khảo sát từ các báo cáo kiểm toán (15 cuộc kiểm toán của 12 bộ phận KTNB khác nhau), tổng hợp những phát hiện kiểm toán, phỏng vấn Trưởng bộ phận KTNB, KTV nội bộ của 14 bộ phận KTNB khác nhau. Kết quả khảo sát sau đó được tính trung bình. Bảng 5 dưới đây cung cấp kết quả khảo sát, tổng hợp và xử lý phục vụ cho đánh giá theo 4 chỉ tiêu.

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ ngân sách được kiểm toán ở mức khá cao và thiên lệch. Đa số các cuộc kiểm toán có xu hướng tập trung công việc vào hoạt động tín dụng – hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động tại các NHTM Việt Nam, nhưng bỏ qua nhiều hoạt động khác tại đơn vị có số tiền giao dịch ít hơn. Tuy nhiên, đây thường là những lĩnh vực mà NHTM mới mở rộng, thị trường chưa ổn định và rủi ro được đánh giá ở mức khá cao.

Với đặc thù kinh doanh riêng, các NHTM thường xác định những rủi ro mang tính phổ biến. Điều này

phần nào được thể hiện qua kết quả khảo sát về tỷ lệ rủi ro xác định được kiểm toán ở mức khá cao. Tuy nhiên, tìm hiểu giấy làm việc và hồ sơ kiểm toán cho thấy, những nội dung rủi ro xác định tập trung vào những hoạt động chủ yếu là cho vay, tài sản đảm bảo, dịch vụ bảo lãnh,... mang tính truyền thống của đa số các ngân hàng. Mặc dù phần rủi ro còn lại chưa được xác định không lớn nhưng lại là những rủi ro “mới”, phát sinh trong điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi trong môi trường hội nhập và trong bối cảnh kinh tế vĩ mô có nhiều thay đổi.

3. Kết luận về thực trạng thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam

Dựa trên tổng hợp, phân tích và đánh giá từ kết quả khảo sát bằng mô hình đánh giá thực hiện chức năng KTNB theo *Đầu vào – Thực hiện – Đầu ra* cho thấy, KTNB đã trở thành một phương sách được nhà quản lý sử dụng trong hầu hết các NHTM Việt Nam. Mức độ cũng như sự tín nhiệm vào phương sách này không ngừng tăng lên phần nào cho thấy vai trò to lớn của KTNB tại các NHTM Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh môi trường kinh doanh có nhiều thay đổi phức tạp, đa dạng và rủi ro hơn. Mặc dù việc thực hiện chức năng KTNB đã được thực hiện ở phần lớn các NHTM Việt Nam nhưng kết quả khảo sát cũng chỉ ra những vấn đề cần được nhà quản lý quan tâm thích đáng:

- Một là, Mặc dù đã có sự quan tâm đặc biệt của nhà quản lý tới chức năng KTNB nhưng không phải là một xu hướng diễn biến trong toàn bộ các NHTM. Cụ thể, tại những đơn vị có tổ chức bộ phận KTNB thì nhà quản trị cấp cao thể hiện sự quan tâm đối với thực hiện chức năng KTNB rất khác nhau. Trong bối cảnh tổ chức bộ máy và giới hạn về qui mô của NHTM như hiện nay, hình thức tổ chức bộ máy KTNB riêng trong đơn vị là một cách thức để thực hiện chức năng KTNB nhưng cũng có thể thực

hiện mua dịch vụ từ các công ty kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, việc thuê ngoài dịch vụ KTNB chưa được thực hiện tại NHTM Việt Nam;

- Hai là, Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng kết quả kiểm toán chưa đạt được kỳ vọng liên quan tới nội dung thực hiện, các phát hiện kiểm toán, giải quyết các phát hiện kiểm toán, hiệu quả cuộc kiểm toán,...

- Ba là, Chất lượng thực hiện chức năng KTNB chưa cao;

- Bốn là, Hiệu quả thực hiện kiểm toán chưa cao trong quan hệ với những mục tiêu hoàn thành;

- Năm là, Việc nhận diện khu vực có rủi ro và rủi

ro cao chưa thực sự như kỳ vọng ảnh hưởng tới giải pháp quản lý, đặc biệt trong điều kiện tỷ lệ nợ xấu tăng lên.

Để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực hiện chức năng KTNB trong các NHTM Việt Nam hiện nay, thiết nghĩ cần phải có những giải pháp đồng bộ hơn từ phía cơ quan quản lý nhà nước – Ngân hàng Nhà nước, nhưng quan trọng nhất vẫn là thay đổi nhận thức của nhà quản trị tại đơn vị về thực hiện chức năng KTNB trong quan hệ với những hình thức kiểm tra kiểm soát khác. □

Tài liệu tham khảo:

Đề tài Nghiên cứu cấp Cơ sở của Tác giả Phan Trung Kiên và các cộng sự công bố 09/2012 về thực hiện chức năng KTNB trong các NHTM Việt Nam

Risk Management and internal auditing relationship: Developing and validating a model, Internal Journal of auditing, 159-174, 1999

Internal audit 2012 - Asia Pacific Supplement

[http://www.ey.com/Global/assets.nsf/International/Global_Internal_Audit_Survey_2007/\\$file/EY_BRS_GlobalInternalAudit07.pdf](http://www.ey.com/Global/assets.nsf/International/Global_Internal_Audit_Survey_2007/$file/EY_BRS_GlobalInternalAudit07.pdf)

[http://www.emeraldinsight.com/Insight/menuNavigation.do;jsessionid=A428F2081E365F0381461F0A9BC53515?hdAction=InsightHomeInternal Audit 2012 – Asia Pacific Supplement, by PriceWaterHouseCooper](http://www.emeraldinsight.com/Insight/menuNavigation.do;jsessionid=A428F2081E365F0381461F0A9BC53515?hdAction=InsightHomeInternal%20Audit%2012%20-%20Asia%20Pacific%20Supplement,%20by%20PriceWaterHouseCooper)

<http://www.sbv.gov.vn> Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

<http://www.theiiat.or.th/seminar/cia1.asp>